

LUẬT DÂN SỰ I

Giảng viên: ThS. Kiều Thị Thùy Linh

BÀI 3

GIAO DỊCH DÂN SỰ, ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN, THỜI HIỆU

Giảng viên: ThS. Kiều Thị Thùy Linh

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Trình bày được khái niệm giao dịch dân sự (GDDS), các loại GDDS, 4 điều kiện có hiệu lực của GDDS (3 điều kiện bắt buộc, một điều kiện áp dụng cho nhóm giao dịch nhất định), khái niệm GDDS vô hiệu và hậu quả pháp lí của GDDS vô hiệu.
- Trình bày được khái niệm về thời hạn, cách tính thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của thời hạn. Cách tính thời hạn trong những trường hợp đặc biệt.
- Trình bày được khái niệm về thời hiệu, cách tính thời hiệu.
- Nhận biết được bản chất của thời hiệu hưởng quyền dân sự, thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự.
- Trình bày được khái niệm về đại diện.
- Phân biệt được người đại diện theo pháp luật, phạm vi thẩm quyền đại diện; người đại diện theo uỷ quyền, phạm vi thẩm quyền đại diện.
- Liệt kê được 6 trường hợp chấm dứt đại diện của cá nhân và 4 trường hợp chấm dứt đại diện của pháp nhân.



CÁC KIẾN THỨC CẦN CÓ

Để học được môn học này, sinh viên phải học xong các môn học: Luật Hiến pháp



HƯỚNG DẪN HỌC

- Đọc kỹ tài liệu tham khảo theo đề cương.
- Thảo luận, trao đổi với giảng viên và các sinh viên khác về những vấn đề cần nghiên cứu.
- Tìm hiểu và trả lời các câu hỏi của bài học.
- Đọc và tìm hiểu thêm các vấn đề về giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu trên thực tế.



CẤU TRÚC NỘI DUNG

3.1

Giao dịch dân sự

3.2

Đại diện

3.3

Thời hạn, thời hiệu

3.1. GIAO DỊCH DÂN SỰ

3.1.1. Khái niệm giao dịch dân sự

3.1.2. Điều kiện phát sinh hiệu lực của giao dịch dân sự

3.1.3. Giao dịch dân sự vô hiệu

3.1.1. KHÁI NIỆM GIAO DỊCH DÂN SỰ

- Là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương là phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.
- Ví dụ: Những quan hệ sau, dựa vào định nghĩa giao dịch dân sự cho biết quan hệ nào là giao dịch dân sự?
 - Ví dụ 1: Công ty A làm tờ rơi quảng cáo sản phẩm mới (đặc điểm, giá cả...) phát cho mọi người sinh sống trong khu dân cư B.
 - Ví dụ 2: A hứa thưởng 1 triệu đồng cho ai cung cấp thông tin tin cậy về con chó thuộc sở hữu của A bị lạc.
 - Ví dụ 3: A ký hợp đồng bán cho B chiếc xe máy cũ của A.
 - Ví dụ 4: A tỏ tình với B và B đồng ý trở thành người yêu của A.

Đáp án: Ví dụ 2 và Ví dụ 3.

3.1.2. ĐIỀU KIỆN PHÁT SINH HIỆU LỰC CỦA GIAO DỊCH DÂN SỰ

Chủ thể	Ý chí	Nội dung	Hình thức
<ul style="list-style-type: none"> • Có năng lực pháp luật theo quy định. • Có mức độ năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự tham gia. 	<p>Chủ thể tham gia giao dịch dân sự đảm bảo điều kiện tự nguyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Không vi phạm điều cấm của pháp luật. • Không trái đạo đức xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> • Giao dịch dân sự có thể xác lập thông qua lời nói, hành vi, văn bản. • Nếu pháp luật có quy định, giao dịch dân sự bắt buộc phải được xác lập thông qua hình thức theo quy định.

3.1.3. GIAO DỊCH DÂN SỰ VÔ HIỆU

- Là giao dịch dân sự không thỏa mãn các điều kiện phát sinh hiệu lực.
- Hậu quả pháp lý:
 - Không phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập.
 - Các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.
 - Bên nào có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại.

Giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối	Giao dịch dân sự vô hiệu tương đối	Giao dịch dân sự vô hiệu từng phần	Giao dịch dân sự vô hiệu toàn phần
Căn cứ vào tính chất vi phạm của giao dịch dân sự		Căn cứ vào phạm vi vi phạm của giao dịch dân sự	
Đương nhiên vô hiệu (kể cả khi các bên không yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự là vô hiệu).	Các chủ thể có thể yêu cầu hoặc không yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự là vô hiệu trong thời hạn do pháp luật quy định.	Khi một phần của giao dịch vô hiệu nhưng không ảnh hưởng đến hiệu lực của phần còn lại của giao dịch.	Khi toàn bộ giao dịch dân sự vô hiệu hoặc chỉ vô hiệu một phần nhưng phần đó không tách ra được.

3.2. ĐẠI DIỆN

3.2.1. Khái niệm

3.2.2. Các loại đại diện

3.2.3. Phạm vi đại diện

3.2.4. Hậu quả pháp lý

3.2.5. Chấm dứt đại diện

3.2.1. KHÁI NIỆM

Đại diện: là việc một người (người đại diện) nhân danh và vì lợi ích của người khác (người được đại diện) xác lập, thực hiện giao dịch dân sự trong phạm vi đại diện.

Ví dụ: Ông A là chủ hộ gia đình gồm có các thành viên trong gia đình ông A chung vốn, góp sức để thuê đầm nuôi cá. Ông A thay mặt gia đình ký hợp đồng mua bán cá với công ty chế biến thủy sản B. Như vậy, ông A là người đại diện cho hộ gia đình tham gia vào giao dịch dân sự trong phạm vi các thành viên gia đình đã thống nhất và theo luật định.

3.2.2. CÁC LOẠI ĐẠI DIỆN

	Đại diện theo pháp luật	Đại diện theo ủy quyền
Khái niệm	Là đại diện do pháp luật quy định hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.	Là đại diện được xác lập theo sự ủy quyền giữa người đại diện và người được đại diện.
Thành phần	<ul style="list-style-type: none">• Cha, mẹ đối với con chưa thành niên.• Người giám hộ đối với người được giám hộ.• Người được Tòa án chỉ định đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.• Người đứng đầu pháp nhân.• Chủ hộ gia đình đối với hộ gia đình.• Tổ trưởng tổ hợp tác đối với tổ hợp tác.• Những người khác theo quy định của pháp luật.	<ul style="list-style-type: none">• Người được cá nhân, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân ủy quyền xác lập, thực hiện giao dịch dân sự.• Người được ủy quyền bởi người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi, trừ trường hợp pháp luật quy định giao dịch dân sự đó phải do người từ đủ mười tám tuổi trở lên xác lập thực hiện.

3.2.3. PHẠM VI ĐẠI DIỆN

- Đại diện theo pháp luật: Có quyền xác lập, thực hiện mọi giao dịch dân sự vì lợi ích của người được đại diện (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).
- Đại diện theo ủy quyền: Được xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự theo sự ủy quyền.
- Người đại diện chỉ được thực hiện giao dịch dân sự trong phạm vi đại diện.
- Người đại diện phải thông báo cho người thứ ba trong giao dịch dân sự biết về phạm vi đại diện của mình.
- Người đại diện không được xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự với chính mình hoặc với người thứ ba mà mình cũng là người đại diện của người đó (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

3.2.4. HẬU QUẢ PHÁP LÝ

- Giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập:
 - Không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện (trừ trường hợp người đại diện hoặc người được đại diện đồng ý).
 - Người đã giao dịch với người không có quyền đại diện có quyền: Đơn phương chấm dứt thực hiện hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự đã xác lập và yêu cầu bồi thường thiệt hại (trừ trường hợp người đó biết hoặc phải biết về việc không có quyền đại diện mà vẫn giao dịch).
- Giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện:
 - Không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của người được đại diện đối với phần giao dịch được thực hiện vượt quá phạm vi đại diện (trừ trường hợp người được đại diện đồng ý hoặc biết mà không phản đối).
 - Người đã giao dịch với người đại diện có quyền: Đơn phương chấm dứt thực hiện hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự đối với phần vượt quá phạm vi đại diện hoặc toàn bộ giao dịch dân sự và yêu cầu bồi thường thiệt hại (trừ khi người đó biết hoặc phải biết về việc vượt quá phạm vi đại diện mà vẫn giao dịch).

3.2.5. CHẤM DỨT ĐẠI DIỆN

a. Chấm dứt đại diện của cá nhân

- Đại diện theo pháp luật:
 - Người được đại diện đã thành niên hoặc năng lực hành vi dân sự đã khôi phục.
 - Người được đại diện chết.
 - Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- Đại diện theo ủy quyền:
 - Thời hạn ủy quyền đã hết hoặc công việc được ủy quyền đã hoàn thành.
 - Người ủy quyền hủy bỏ việc ủy quyền hoặc người được ủy quyền từ chối việc ủy quyền.
 - Người ủy quyền hoặc người được ủy quyền chết, bị tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc là đã chết.

3.2.5. CHẤM DỨT ĐẠI DIỆN (tiếp theo)

b. Chấm dứt đại diện của pháp nhân

- Đại diện theo pháp luật của pháp nhân chấm dứt khi pháp nhân chấm dứt.
- Đại diện theo ủy quyền:
 - Thời hạn ủy quyền đã hết hoặc công việc được ủy quyền đã hoàn thành.
 - Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân hủy bỏ việc ủy quyền hoặc người được ủy quyền từ chối việc ủy quyền.
 - Pháp nhân chấm dứt sự tồn tại hoặc người được ủy quyền chết, bị tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc là đã chết.

3.3. THỜI HẠN, THỜI HIỆU

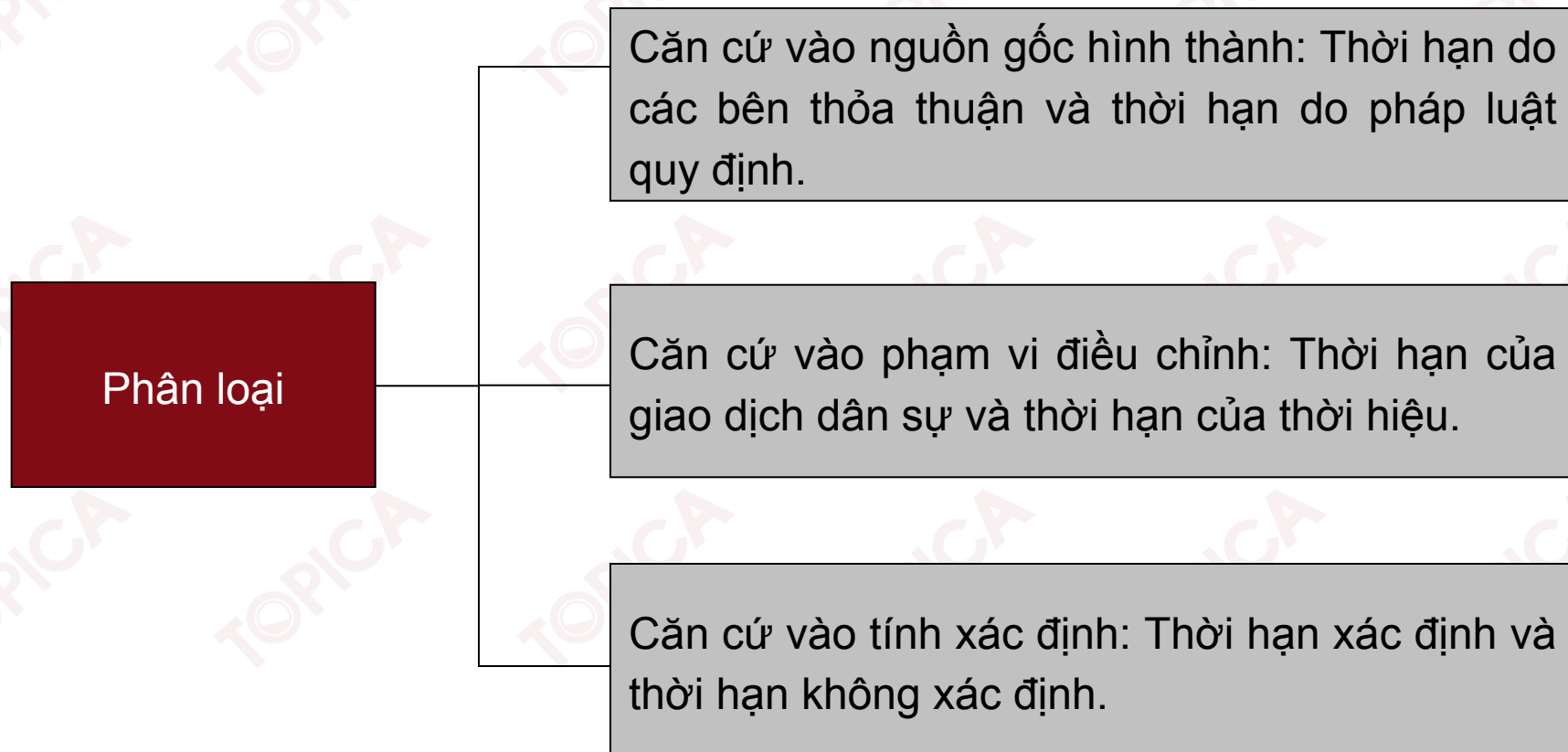
3.3.1. Thời hạn

3.3.2. Thời hiệu

3.3.3. Cách tính thời hạn,
thời hiệu

3.3.1. THỜI HẠN

- Khái niệm: là một khoảng thời gian được xác định từ thời điểm này đến thời điểm khác.



3.3.2. THỜI HIỆU

- Khái niệm: là thời hạn do pháp luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự, được miễn trừ nghĩa vụ dân sự hoặc mất quyền khởi kiện vụ án dân sự, quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự.

Phân loại

Thời hiệu hưởng quyền dân sự: là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó, chủ thể được hưởng quyền dân sự.

Thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ: là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì người có nghĩa vụ dân sự được miễn việc thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Thời hiệu khởi kiện: là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự.

Thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự: là thời hạn mà chủ thể được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự.

3.3.3. CÁCH TÍNH THỜI HẠN, THỜI HIỆU

	Cách tính thời hạn	Cách tính thời hiệu
Thời điểm bắt đầu	Theo thỏa thuận hoặc theo pháp luật (bắt đầu từ ngày tiếp theo của ngày xác định hoặc ngày tiếp theo của ngày xảy ra sự kiện).	Từ thời điểm bắt đầu ngày đầu tiên của thời hiệu.
Thời điểm kết thúc	Theo thỏa thuận hoặc theo pháp luật (tại thời điểm kết thúc ngày hoặc/và tháng tương ứng của năm cuối cùng của thời hạn).	Tại thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hiệu.

3.3.3. CÁCH TÍNH THỜI HẠN, THỜI HIỆU (tiếp theo)

- Thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự:
 - Sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan làm cho chủ thể có quyền không thể khởi kiện, yêu cầu trong phạm vi thời hiệu.
 - Chưa có người đại diện trong trường hợp chủ thể có quyền là người chưa thành niên, mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - Chưa có người đại diện thay thế hoặc vì lý do chính đáng khác mà không thể tiếp tục đại diện trong trường hợp người đại diện của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự chết.
- Bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện:
 - Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện.
 - Bên có nghĩa vụ thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện.
 - Các bên đã tự hòa giải với nhau.

Trong bài này, chúng ta đã nghiên cứu các nội dung chính sau:

- Hiểu rõ và vận dụng kiến thức về giao dịch dân sự để xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự trên thực tế.
- Nắm được và áp dụng được nội dung về phạm vi, hậu quả pháp lý của đại diện trong các quan hệ pháp luật dân sự.
- Hiểu rõ nội dung về thời hạn, thời hiệu và có thể tính được thời hạn, thời hiệu trong các tình huống thực tế cuộc sống.